

Kỹ thuật nuôi tôm hùm năng suất cao

Nuôi tôm hùm không hề đơn giản, do đó để đạt năng suất cao người nuôi cần nắm rõ kỹ thuật như sau:

1/ Chọn địa điểm đặt lồng nuôi tôm hùm

Chọn địa điểm đặt lồng nuôi tôm hùm là khâu đầu tiên không kém phần quan trọng. Địa điểm chọn đặt lồng nuôi phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nơi có độ mặn cao, tương đối ổn định nằm trong khoảng từ 30 -36o/oo ít bị ảnh bởi lũ, lụt, những vùng biển có nhiệt độ từ 24 -32oC tốt nhất là từ 26-30oC.
- Có nguồn nước trong sạch, ít bị ảnh hưởng bởi chất thải công nghiệp, nông nghiệp và đô thị.
- Là nơi kín gió, có độ sâu phù hợp cho việc xây dựng và quản lí lồng nuôi, mức nước tối thiểu khi triều xuống thấp nhất phải đạt 2m, chất đáy là cát; cát bùn; hoặc chất đáy cát, cát bùn có lẫn đá san hô nhỏ, vỏ động vật thân mềm.
- Gần nguồn giống, thức ăn và thuận tiện đường giao thông.



2/ Thiết kế xây dựng lồng nuôi tôm hùm

Tùy vào điều kiện từng vùng biển mà có thể thiết kế các kiểu lồng nuôi khác nhau. Hiện nay có 2 kiểu lồng nuôi phổ biến: kiểu lồng hở và kiểu lồng kín.

a/ Kiểu lồng hở:

Là loại lồng được cố định bởi các cọc gỗ găm xuống đất.

* Nguyên vật liệu và cách xây dựng

- Kích thước lồng nuôi phù hợp là: 4 x 4(m); 3 x 4(m) và 4 x 5(m), chiều cao cọc làm lồng phụ thuộc vào độ sâu tại nơi đặt lồng, tốt nhất nên đặt tại nơi có độ sâu 2 - 5m (lúc thủy triều thấp nhất).

- Nguyên vật liệu và cách làm.

+ Cọc gỗ: có thể dùng gỗ tròn $f = 15-20$ cm hoặc gỗ xẻ (gỗ 5 x 10 cm), chiều dài cọc gỗ phụ thuộc vào độ sâu nơi đặt lồng (cọc gỗ phải có chiều dài cao hơn độ sâu cao nhất khi triều cường tại nơi đặt lồng khoảng 0,5m). Cọc được vót nhọn một đầu và được cắm chặt xuống đất, khoảng cách giữa 2 cọc từ 1,5 - 2m.

+ Nẹp ngang thường dùng gỗ tròn có $f = 12 - 15$ cm hoặc dùng gỗ xẻ (gỗ 4 x 6 cm), nẹp cách nẹp 1,5 đến 2m.

+ Sắt làm khung lồng: dùng sắt tròn (sắt rằn) có $f = 18 - 20$ mm được làm thành các khung hình chữ nhật, khoảng cách giữa 2 thanh sắt từ 1 - 1,2 m, chiều cao (rộng) của khung sắt làm thân lồng cao từ 1 - 2m, lưới lồng được bện trực tiếp vào các khung sắt sau đó lắp ghép lại và được cố định bởi khung cọc gỗ.

+ Lưới lồng: Hiện nay, phổ biến là làm lồng theo kiểu lồng 1 lớp hoặc 2 lớp lưới lồng ghép sát vào nhau. Vật liệu bằng lưới nylon hoặc bằng lưới PE, kích thước mắt lưới $2a = 25 - 35$ mm (tùy theo cỡ giống thả nuôi), đối với tấm lưới đáy còn làm thêm một lớp lưới ruồi nhằm đảm bảo thức ăn không bị lọt ra ngoài khi cho ăn. Ngoài ra để đảm bảo an toàn ta cần gia cố thêm một lớp lưới cước (cước 150 - 180), kích thước mắt lưới $2a = 35 - 40$ mm tại những phần có làm khung sắt. Những lồng sử dụng để ương tôm hùm giống thì kích thước mắt lưới nhỏ hơn sao cho đảm bảo tôm không chui ra được ($2a < 5$ mm).

+ Mặt trên của lồng phải có nắp đậy bằng lưới tránh thất thoát tôm do bắt trộm hay do triều khi triều cao ngập lồng nuôi. Trong những ngày nắng nóng, lồng nuôi xây dựng ở những vùng nước nông phải tiến hành che mát cho tôm trên mặt lồng bằng các vật liệu như lá dừa, cát,.. hoặc dùng nắp lồng bằng lưới ruồi để tránh tôm hoạt động quá nhiều hay tôm bị đóng rong.

b/ Kiểu lồng kín: (lồng di động).

Loại lồng này thích hợp ở những vùng nhiều sóng gió, độ sâu cao.

- Kích thước lồng kín thường nhỏ hơn lồng hở để thuận tiện cho việc di chuyển.

- Kích thước lồng phù hợp theo: dài x rộng x cao tương ứng là: 3 x2x2 (m) hoặc 3 x3 x2 (m), được thiết kế giống như một hình hộp chữ nhật được tạo bởi các khung sắt hình chữ nhật, trên phần nắp lồng được đặt một cái ống nhựa $f = 10 - 15$ cm để thuận tiện trong việc cho ăn.

Vật liệu sắt, cách làm khung, vật liệu lưới và cách bện lưới vào khung sắt tương tự như lồng hở.

Loại lồng này không cố định bằng cọc, có thể di chuyển một cách dễ dàng từ nơi này đến nơi khác.

Trong trường hợp tại nơi nhiều sóng gió loại lồng này phải được cố định bằng các dây neo.

* Dù là kiểu lồng kín hay lồng hở ta đều phải đặt lồng cách đáy ít nhất là 0,5m.

* Nhược điểm của loại lồng này là khó thao tác chăm sóc quản lí hơn kiểu lồng hở.

c/ Lồng ương tôm giống

Lồng ương tôm giống chủ yếu thiết kế theo kiểu lồng kín, khung lồng được làm bằng sắt ($f = 16 - 20$), kích thước lồng phổ biến là $2 \times 2 \times 2$ m, lưới lồng được làm 2 lớp, với kích thước mắt lưới $2a = 2 - 3$ mm.

d/ Bè nuôi

Hiện nay, do hiện tượng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng nên việc nuôi tôm hùm lồng bằng bè trở nên ưu thế hơn lồng cố định hay lồng chìm, tuy nhiên việc nuôi tôm hùm bằng bè cần lưu ý một số điểm sau:

- Vùng đặt bè phải kín gió, vật liệu làm bè như phao, gỗ, dây neo phải chắc chắn tránh bè bị chao đảo nhiều.

- Cần phải che mát lồng bằng các vật liệu như : Bạc, cát,.

3/ Thả tôm hùm

a/ Chọn giống thả nuôi.

Hiện nay, trong nước cũng như trên thế giới chưa sản xuất được giống tôm hùm, nguồn giống phụ thuộc hoàn toàn vào đánh bắt tự nhiên. Kích cỡ giống thường không đồng đều, con giống được đánh bắt bằng nhiều phương tiện khác nhau kể cả việc sử dụng các loại thuốc gây mê, thuốc nổ,... thời gian lưu giữ dài ngày và kỹ thuật lưu giữ không tốt nên khi nuôi thường dẫn đến một hậu quả là tôm thường chết nhiều vào giai đoạn đầu thả nuôi, tỷ lệ sống thấp và tôm chậm lớn,....

Để chọn được giống tốt ta cần chú ý một số vấn đề sau:

- Giống nuôi tốt nhất nên mua tại địa phương nhằm tránh sự khác biệt về điều kiện môi trường, thời gian vận chuyển xa làm yếu tôm và tránh con giống đã được lưu giữ dài ngày (một số điểm để nhận biết tôm giống đã lưu giữ dài ngày là : chạt đuôi bị phồng, bị tổn thương; các phụ bộ bị tổn thương đã chuyển sang màu đen, màu sắc của tôm trở nên đen sậm, vỏ không còn bóng láng và tôm hoạt động yếu ớt, chậm chạp.)

- Giống được đánh bắt một cách tự nhiên không qua việc sử dụng thuốc nổ hay bất kỳ một loại hóa chất gây mê nào khác.(loại tôm này thường còn nguyên vẹn các phụ bộ nhưng màu sắc của tôm thường chuyển sang màu hồng nhạt, phần đầu ngực và phần thân dãn ra hơn bình thường trông giống như tôm bị bệnh lỏng đầu do nhiệt độ nước cao hay độ mặn hạ thấp, tôm hoạt động chậm chạp yếu ớt; việc đánh bắt tôm tại các vùng biển có độ mặn thấp do ảnh hưởng của mưa lũ gây ra cũng có hiện tượng tương tự). Khi mua phải loại tôm này tôm nuôi sẽ chết từ rải rác đến hàng loạt vào giai đoạn đầu thả nuôi.

- Tôm giống phải có hình dáng cân đối, đầy đủ các phần phụ, không trầy xước, thương tổn, có màu sắc tươi sáng tự nhiên, tôm khoẻ mạnh, không mang mầm bệnh.

- Chọn giống có kích cỡ đồng đều, cùng giới tính để nuôi trong cùng một lồng, kích cỡ giống nuôi có thể dao động từ 100 -500g/con . Trong trường hợp sử dụng nguồn con giống có kích cỡ nhỏ như dạng tôm bò cạp ta phải tiến hành giai đoạn ương nuôi sau đó tuyển chọn lại và đưa và nuôi thương phẩm.

b/ Cách vận chuyển tôm giống đến nơi thả nuôi.

Tôm hùm có phương thức hô hấp tương tự như các loài cua, gẹ chúng có khả năng sử dụng được nguồn oxy trong không khí và có khả năng chịu được ngưỡng oxy thấp.

Có 2 phương pháp vận chuyển giống là vận chuyển nước có sục khí và phương pháp vận chuyển khô:

+ Phương pháp vận chuyển nước: Là phương pháp vận chuyển sử dụng nước có sục khí để cung cấp oxy, nhiệt độ nước trong quá trình vận chuyển là 22 -25OC bằng cách cho đá lạnh vào các bọc nhựa sau đó bỏ vào dụng cụ chứa, mật độ vận chuyển phụ thuộc vào kích cỡ tôm và thời gian vận chuyển. Phương pháp này thường áp dụng khi thời gian vận chuyển >2 giờ.

+ Phương pháp vận chuyển khô: Cách tiến hành của phương pháp này là ta tiến hành sốc nhiệt ở nhiệt độ 20 -22oC sau đó buộc tôm vào trong các khăn lông đã nhúng nước và sắp theo từng lớp vào thùng xốp đã chuẩn bị sẵn sao cho các lớp tôm không chồng lên nhau, chú ý giữa các lớp tôm ta rải thêm đá lạnh cũng bằng cách bỏ vào trong các túi nhựa sao

cho vừa đủ đảm bảo giữ nhiệt độ ổn định từ 22 - 25 C , phương pháp này áp dụng cho thời gian vận chuyển < 2 giờ.

c/ Thả tôm

Khi tôm vận chuyển đến lồng nuôi ta tiến hành nâng dần nhiệt độ lên cho đến khi gần bằng với nhiệt độ môi trường nuôi bằng cách cho dần dần nước từ môi trường nuôi vào dụng cụ chứa tôm sau đó thả tôm vào các giai đã đặt sẵn trong lồng sau 30 -60 phút cho tôm hồi phục sức khỏe hoàn toàn ta mới thả tôm ra.

Trong quá trình thả tôm ta phải thả tôm đực riêng, cái riêng và thả theo từng nhóm kích cỡ không nên thả chung.

d/ Mật độ nuôi

Tôm hùm chủ yếu sống ở tầng đáy, nên mật độ nuôi được tính theo diện tích đáy lồng. Tùy vào kích cỡ tôm, mức độ đầu tư , điều kiện môi trường mà ta có thể nuôi với mật độ cao hay thấp. Đối với tôm giống có kích cỡ từ 100g/con trở lên ta có thể thả nuôi với mật độ từ 8 -10 con/m².

4/ Thời vụ thả nuôi tôm hùm

Trong tự nhiên tôm hùm được khai thác quanh năm nhưng tập trung lượng giống nhiều vào các tháng 8 -12 hàng năm nên vào thời gian này chúng ta nên tập thả giống nuôi.

5/ Chăm sóc và quản lí tôm hùm

Chăm sóc quản lí là khâu đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của suốt quá trình nuôi.

- Thức ăn và cách cho ăn: Tôm hùm là loại tạp ăn, thức ăn chủ yếu là cá tạp, cua, ghẹ, cầu gai, .và các loại nhuyễn thể. Cho ăn chủ yếu là cho ăn tươi, tùy vào kích cỡ tôm, cỡ môi mà ta có thể băm nhỏ thức ăn hay không. Có thể cho tôm hùm ăn 2 lần/ngày nhưng phải đặc biệt chú ý cho ăn nhiều vào các buổi sáng sớm và chiều tối. Lượng cho ăn hằng ngày từ 15-20% trong lượng đàn tôm. Trong những ngày trước lúc lột xác 4 -5 ngày tôm ăn rất mạnh và đang trong thời kì lột xác nhiều tôm giảm ăn chính vì vậy ta cần chú ý vào các thời điểm này mà điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp. Quá trình lột xác của tôm phụ thuộc vào chu kì con nước, thường thì tôm sẽ lột xác nhiều vào cuối kì con nước lớn.

- Quản lí: Thường xuyên lặn kiểm tra lồng, kiểm tra tình trạng tôm, kiểm tra lượng thức ăn thừa hay thiếu để từ đó có hướng giải quyết kịp thời. Định kỳ 10 -15 ngày vệ sinh lồng nuôi một lần đảm bảo môi trường sạch sẽ thông thoáng.

6/ Một số bệnh thường gặp và cách phòng trị.

a/ Bệnh đóng rong.

* Nguyên nhân do các nguyên nhân sau:

- Độ trong của nước cao làm khả năng xuyên sâu ánh sáng lớn.
- Tôm ít hoạt động, kém ăn chậm lớn, chu kỳ lột xác chậm.

* Phòng bệnh:

- Che mát làm giảm độ trong của nước mà đặc biệt chú ý là vào mùa nắng nóng.
- Tăng sức đề kháng cho tôm bằng cách sử dụng thức ăn đủ về chất lẫn về lượng.
- Vệ sinh lồng nuôi sạch sẽ, tạo môi trường thông thoáng, mật độ nuôi vừa phải.

* Trị bệnh:

- Bắt những con tôm bệnh tắm bằng formol với nồng độ 100 - 200ppm (1 -2 ml formol/10 lít nước), trong thời gian từ 5 - 10 phút.

b/ Bệnh đen mang, mòn đuôi, hoại tử các phần phụ.

* Tác nhân gây bệnh chủ yếu là do vi khuẩn mà nguyên nhân chủ yếu là do lồng nuôi bị dơ bẩn, môi trường nước bị ô nhiễm, tôm kém ăn sức khỏe yếu.

* Phòng bệnh: Thường xuyên vệ sinh lồng nuôi sạch sẽ, tạo môi trường thông thoáng, tăng cường sức khỏe cho tôm bằng cách cho tôm ăn thức ăn đầy đủ cả về chất lẫn về lượng, ngoài ra còn có thể bổ sung thêm Vitamin C vào thành phần thức ăn của tôm với liều lượng từ 5 -10g/kg thức ăn.

* Trị bệnh:

- Có thể tắm tôm bằng formol với nồng độ 100 -200 ppm hoặc tắm tôm bằng sunfat đồng (CuSO₄) với nồng độ 1- 2 ppm(0,01 -0,02g CuSO₄/10 lít nước) trong thời gian từ 5- 10 phút.
- Sử dụng các loại thuốc kháng sinh như : , N - 300, Daitrim,.. trộn vào thức ăn với liều lượng từ 3 -5 g/1kg thức ăn cho ăn liên tục từ 5 -7 ngày.

c/ Bệnh lỏng đầu.

* Nguyên nhân:

- Chủ yếu là do độ mặn tại khu vực nuôi giảm thấp dưới 250/00 và kéo dài nhiều ngày.

- Ngoài ra vào mùa nắng nóng , nhiệt độ nước quá cao > 310C tôm nuôi cũng dễ xảy ra hiện tượng này.

* Phòng và trị bệnh:

- Đặt lồng nuôi tại vị trí có độ mặn cao và tương đối ổn định. Di chuyển lồng nuôi đến vị trí có độ mặn cao hơn.

- Che mát cho tôm vào mùa nắng nóng, di chuyển đến vị trí có độ sâu cao.

7/ Thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm.

Sau thời gian nuôi từ 12 -15 tháng tùy vào cỡ giống, mật độ nuôi và mức độ đầu tư tôm có thể đạt khối lượng từ 1,2 kg/con trở lên ta tiến hành thu tỉa những con có khối lượng lớn, cứng vỏ, không mang trứng vận chuyển đến nơi tiêu thụ. Phương pháp vận chuyển đến nơi tiêu thụ tương tự như cách vận chuyển tôm giống đến nơi thả nuôi.